TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.
2/ Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1536/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/03/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thanh Ng, sinh năm 1986. (có mặt)

Thường trú: ấp A, xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: số 263B, Tỉnh Lộ 15, tổ 2, ấp 10, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Võ Thanh Th, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Thường trú: ấp A, xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thanh Ng trình bày:

Bà và ông Võ Thanh Th quen nhau thời gian khoảng 03 tháng thì cưới nhau, cưới nhau năm 2008, có tổ chức cưới, đến năm 2014 mới đăng ký kết. Sau khi cưới hai vợ chồng ở cùng nhà với cha mẹ chồng tại ấp A, xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th không phụ giúp gia đình về mặt kinh tế, sử dụng ma túy, bà khuyên nhiều lần nhưng vẫn không bỏ được,…nên hai vợ chồng thường xuyên cải vả và bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở đến nay gần hai năm. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Võ Thanh Th.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Ngọc Khánh Y, sinh ngày: 06/5/2009 và Võ Ngọc Khánh B, sinh ngày: 15/11/2017. Khi làm khai sinh cho trẻ Y do hai vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên trẻ Y mang họ mẹ. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Ngọc Khánh B, giao trẻ Lê Ngọc Khánh Y cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, khai sinh con (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Th vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh Ng và ông Võ Thanh Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 1/2014, ngày 01/7/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Ng xin ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà Ng thì mâu thuẫn giữa bà với ông Th là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do ông Th không lo cho gia đình, không bỏ sử dụng ma túy và hai vợ chồng không còn sống chung đến nay gần 02 năm. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Ng và ông Th không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Ngọc Khánh Y, sinh ngày: 06/5/2009 và Võ Ngọc Khánh B, sinh ngày: 15/11/2017. Xét yêu cầu của bà Ng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Ngọc Khánh B và hiện bà cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ; Giao trẻ Lê Ngọc Khánh Y cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Hiện trẻ Y đang ở với ông Th và trẻ Y cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn ở với ba, nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung là trẻ Võ Ngọc Khánh B cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là trẻ Lê Ngọc Khánh Y cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận

sự tự nguyện của bà Ng là không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Ông Th không tham dự phiên tòa và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Ng xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Ng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà Ng phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thanh Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh Ng được ly hôn với ông Võ Thanh Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 1/2014, ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Ng và ông Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Ng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Ngọc Khánh B, sinh ngày: 15/11/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng là không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Ông Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc Khánh Y, sinh ngày: 06/5/2009.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ng, ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà Ng, ông Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thanh Ng phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2022/0020071 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Ng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương